

Trang/ Pages 1 of 6  
 Cod/ Mã TLAT  
 Edition/ BHSĐ 01  
 Valid/Ngày ban hành Dec 12<sup>nd</sup>, 2020

## MATERIAL SAFETY DATA SHEET (MSDS) BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT HR SERIES

**HR1004TF**

### MỤC 01: MÔ TẢ SẢN PHẨM, NHÀ SẢN XUẤT

- **Tên sản phẩm** : Sơn Bột Tĩnh Điện Chịu Nhiệt
- **Mã sản phẩm** : HR SERIES (HR1004TF)
- **Chủng loại** : Dạng Bột
- **Nhận dạng đặc tính vật liệu (hỗn hợp liên quan)** : Sơn hoặc vật liệu tráng phủ kim loại
- **Nhà sản xuất** : MAX POWDER COATINGS (VIET NAM)  
 : Địa chỉ Lô O11 – O12 KCN Hải Sơn DHD, Long An, Vietnam  
 : Điện thoại: 008428.6686.6688 Postal code 700000

### MỤC 02: THÀNH PHẦN VẬT LIỆU

% Tỷ trọng	Mã CAS	Tên Thành phần	Đơn vị	Bay hơi
>3	7727-43-7	Barium Sulphate OSHA PEL	10 mg/m <sup>3</sup>	Không
>30	13463-67-7	Titanium Dioxide OSHA PEL	5 mg/m <sup>3</sup>	Không

Tỷ trọng vật liệu thể hiện trong bảng trên có thể thay đổi theo lô sản phẩm và các giá trị chỉ mang tính tương đối. Sản phẩm không chứa bất kỳ thành phần nguyên liệu khác, trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi, được phân loại trong nhóm vật liệu có ảnh hưởng đến sức khỏe cần được thể hiện trong báo cáo này.

### MỤC 03: NHẬN DIỆN RỦI RO – NGUY HIỂM

#### CÁC DẠNG PHƠI NHIỄM:

HÍT PHẢI dạng bay hơi hoặc bụi.  
 MẮT và DA tiếp xúc trực tiếp với vật liệu, dạng bay hơi hoặc bụi  
 Nhãn GHS  
 Biểu trưng nguy hiểm: Không áp dụng

**Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm theo Chỉ thị 1999/45 / EC và các bản sửa đổi**

#### TRIỆU CHỨNG PHƠI NHIỄM QUÁ MỨC :

MẮT: Kích ứng  
 DA: Phơi nhiễm liên tục hoặc lặp lại có thể gây kích ứng da  
 HÍT PHẢI: Kích ứng đường hô hấp trên  
**DẤU HIỆU & TRIỆU CHỨNG**  
 Mẩn đỏ và ngứa, hoặc bỏng rát có thể là dấu hiệu phơi nhiễm quá mức.

**TÌNH TRẠNG TRẦM TRỌNG VỀ MẶT Y KHOA:** Không ghi nhận

#### **MỤC 04: HƯỚNG DẪN SƠ CẤP CỨU**

**MẮT:** Rửa mắt với nước sạch trong 15 phút, chớp mắt trong khi rửa. Kiểm tra và loại bỏ kính áp tròng (nếu có). Liên hệ Phòng khám để được trợ giúp.

**DA:** Rửa sạch vùng da phơi nhiễm với xà phòng và nước sạch. Loại bỏ trang phục, giày nhiễm bẩn. Trong trường hợp xuất hiện triệu chứng kích ứng, tránh duy trì tiếp xúc với vật liệu. Rửa sạch trang phục trước khi tái sử dụng.

**HÍT PHẢI:** Nếu hít phải vật liệu, di chuyển khỏi khu vực phơi nhiễm, hồi phục nhịp thở, giữ ấm và yên tĩnh. Nếu hít thở khó khăn hoặc hô hấp bất thường, cần thực hiện hô hấp nhân tạo hoặc cung cấp dưỡng khí bởi người có chuyên môn. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người thực hiện việc sơ cứu. Nếu bất tỉnh, đặt nạn nhân tại khu vực sơ cứu, đề nghị trợ giúp y tế ngay lập tức. Duy trì đường thở nạn nhân thông thoáng, nới lỏng trang phục, cổ áo, cà vạt, dây thắt lưng. Nếu hít phải hơi vật liệu từ phản ứng cháy, các triệu chứng có thể xảy ra chậm hơn, người bị phơi nhiễm cần kiểm tra y tế trong vòng 48 giờ.

**NUỐT PHẢI:** Không thực hiện kích thích nôn ngoại trừ được hướng dẫn bởi chuyên gia y tế hoặc bác sĩ. Nếu xuất hiện nôn mửa, cần giữ đầu nạn nhân thấp để tránh chất nôn tràn vào phổi. Rửa miệng nạn nhân bằng nước, loại bỏ rang giả (nếu có). Di chuyển nạn nhân đến vị trí thoáng khí, đặt nằm trên vị trí thuận tiện cho việc hít thở. Nếu vật liệu đã bị nuốt phải và nạn nhân phơi nhiễm vẫn tỉnh táo, có thể cho uống một ít nước lọc. Nếu bất tỉnh, đặt nạn nhân tại nơi sơ cứu và đề nghị trợ giúp y tế ngay lập tức. Giữ khu vực sơ cứu thông thoáng, nới lỏng trang phục nạn nhân hỗ trợ việc hít thở.

#### **MỤC 05: HƯỚNG DẪN XỬ LÝ CHÁY**

**ĐIỂM BẮT LỬA:** Không áp dụng

**PHÂN NHÓM KHẢ NĂNG XẢY CHÁY:** Không áp dụng

**PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY:** Bột chữa cháy khô, Foam, Khí Carbon Dioxide

##### **NGUY HIỂM BẤT THƯỜNG**

Mật độ bụi bão hòa có thể tạo ra hỗn hợp khí gây nổ.

Trong các tình huống khẩn cấp do phơi nhiễm vật liệu quá mức, sự phân hủy vật liệu có thể gây hại đến sức khỏe. Các triệu chứng có thể không xuất hiện ngay, người bị phơi nhiễm cần được kiểm tra y tế.

##### **QUY TRÌNH XỬ LÝ CHÁY ĐẶC BIỆT**

Người thực hiện chữa cháy cần được trang bị thiết bị bảo hộ đầy đủ, bao gồm bình dưỡng khí (SCBA) che chắn toàn bộ mặt. Chữa cháy bằng nước có thể không hiệu quả, nếu sử dụng nước, nên sử dụng đầu phun sương. Nước được dùng nhằm mục đích hạ nhiệt vật liệu tránh nguy cơ làm gia tăng áp suất gây phản ứng nổ do tiếp xúc với nhiệt độ cực hạn.

#### **MỤC 06: XỬ LÝ SỰ CỐ ĐỔ TRÀN VẬT LIỆU**

**QUY TRÌNH KHẨN CẤP:** Trường hợp làm nhiễm nguồn nước hoặc hệ thống giếng, nước ngầm. Cần đề nghị đội xử lý tình huống khẩn cấp ngay lập tức. Hạn chế nhân sự không phận sự và không có công cụ bảo vệ đi vào khu vực đổ tràn. Không chạm vào hoặc đi qua khu vực đổ tràn. Ngắt tất cả nguồn tạo tia lửa điện. Không được hút thuốc, cấm lửa tại khu vực nguy hiểm. Duy trì hệ thống thông khí, mang thiết bị cấp dưỡng khí nếu khu vực không thông khí đầy đủ. Mang trang bị bảo hộ cá nhân đầy đủ trước khi tiếp cận khu vực cần xử lý.

**PHƯƠNG PHÁP THU GOM VÀ XỬ LÝ VẬT LIỆU:** Trong trường hợp đổ tràn, mang trang bị bảo hộ bao gồm bảo vệ mắt và hô hấp. Phủ lên vật liệu bị đổ tràn bằng Cát, Đất hoặc vật liệu có tính hấp thụ tương đương. Dọn hỗn hợp bằng xẻng, giá hoặc bằng hút chân không tránh tạo ra bụi. Đặt hỗn hợp đổ tràn vào thùng chứa có dán nhãn chất thải.

**CHÚ Ý VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG:** Tránh đổ vật liệu vào nơi tiếp xúc với đất, hệ thống cấp thoát nước, giếng. Thông báo đội xử lý môi trường nếu vật liệu tràn gây ô nhiễm

## MỤC 07: ĐÓNG GÓI VÀ LƯU TRỮ

**PHÂN LOẠI LƯU TRỮ** Không áp dụng

**CHÚ Ý TRƯỚC KHI ĐÓNG GÓI & LƯU TRỮ:** Lưu trữ vật liệu ở nơi khô thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp. Ngắt tất cả các nguồn tạo ra tia lửa, đặt cách xa các loại vật liệu có tính oxy hóa cao. Luôn đóng chặt thùng chứa khi không sử dụng. Thùng vật liệu đang sử dụng cần phải đóng kín và đặt ở vị trí an toàn tránh đổ tràn hoặc rò rỉ. Chỉ vận chuyển thùng chứa vật liệu có tem nhãn rõ ràng, không chứa vật liệu không tem nhãn. Tránh xa tầm với của trẻ em.

**KHUYẾN NGHỊ VỆ SINH:** Không ăn, uống hoặc hút thuốc tại khu vực đóng gói, vận chuyển hoặc lưu trữ vật liệu. Công nhân cần rửa sạch tay, mặt trước, loại bỏ trang phục phơi nhiễm trước khi đi vào khu vực ăn uống.

## MỤC 08: THUỘC TÍNH HÓA LÝ CỦA VẬT LIỆU

<b>TRẠNG THÁI VẬT LÝ</b>	Dạng rắn
<b>MÀU SẮC</b>	Không áp dụng
<b>MÙI</b>	Không áp dụng
<b>pH</b>	Không áp dụng
<b>TỶ TRỌNG</b>	1.2 ~1.4 cm <sup>3</sup>
<b>ĐIỂM SÔI</b>	Không áp dụng
<b>ĐIỂM NÓNG CHẢY</b>	Không áp dụng
<b>TỶ LỆ BAY HƠI</b>	0%
<b>MẬT ĐỘ BAY HƠI</b>	Không áp dụng
<b>NHIỆT ĐỘ TỰ CHÁY</b>	Không áp dụng
<b>TAN TRONG NƯỚC</b>	Không áp dụng
<b>ĐỘ NHỚT VẬT LIỆU</b>	Kinematic (40°C (104°F)): >0.206 cm <sup>2</sup> /s (>20.6cSt)
<b>TRỌNG LƯỢNG PHÂN TỬ</b>	Không áp dụng

## MỤC 09: THUỘC TÍNH ỔN ĐỊNH & PHẢN ỨNG CỦA VẬT LIỆU

**PHẢN ỨNG** Không có dữ liệu kiểm nghiệm liên quan đến phản ứng của vật liệu và các thành phần của nó.

**ỔN ĐỊNH HÓA HỌC** — Vật liệu có tính ổn định

**TÌNH HUỐNG CẦN TRÁNH** Hỗn hợp bão hòa cao với khí có thể gây hiệu ứng kích nổ. Chú ý các trạng thái xuất hiện hiệu ứng tích điện.

**KHÔNG TƯƠNG THÍCH** Chất Oxy hóa mạnh, axit hoặc kiềm.

**PHỤ PHẨM NGUY HẠI CỦA VẬT LIỆU GÂY RA BỞI LỬA:** Carbon Dioxide, Carbon Monoxide

**NGUY HẠI DO TIẾN TRÌNH POLYMER HÓA** Không xảy ra.

## MỤC 10: XỬ LÝ CHẤT THẢI

**PHƯƠNG PHÁP THẢI LOẠI** Chất thải từ vật liệu này không có tính độc hại, theo định nghĩa của Resource Conservation and Recovery Act (RCRA) 40 CFR 261. Đốt bằng phương tiện hợp quy. Không đốt vật liệu trong thùng kín.

## MỤC 11: TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

**Độc tính thủy sinh:** Không có thêm thông tin liên quan nào.

**Tính bền và khả năng phân hủy:** Không có thêm thông tin liên quan.

Hành vi trong hệ thống môi trường:

**Tiềm năng tích lũy sinh học:** Không có thêm thông tin liên quan.

**Khả năng dịch chuyển trong đất:** Không có thêm thông tin liên quan.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB

**PBT:** Không áp dụng.

**vPvB:** Không áp dụng.

**Các tác dụng phụ khác:** Không có thêm thông tin liên quan.

## MỤC 12: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Kiểm soát Kỹ thuật: Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này phải được trang bị thiết bị rửa mắt và vòi hoa sen an toàn. Chỉ sử dụng dưới tủ hút hóa chất.

**Thông số kiểm soát**

**Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OSHA Hoa Kỳ)**

Tên Thành Phần	Mã CAS	Giới hạn phơi nhiễm
Titanium dioxide	13463-67-7	<b>EH40/2005 WELs</b> (United Kingdom (UK), 12/2011). TWA: 10 mg/m <sup>3</sup> 8 hours. Form: inhalable dust TWA: 4 mg/m <sup>3</sup> 8 hours. Form: respirable dust
Barium Sulfate	7727-43-7	<b>EH40/2005 WELs</b> (United Kingdom (UK), 12/2011). TWA: 10 mg/m <sup>3</sup> 8 hours. Form: inhalable dust
Talc không chứa asbestiform	14807-46-6	<b>EH40/2005 WELs</b> (United Kingdom (UK), 12/2011). TWA: 1 mg/m <sup>3</sup> 8 hours. Form: respirable dust
Carbon Black	1333-86-4	<b>NIOSH REL (United States, 10/2016)</b> . TWA. 3.5mg/m <sup>3</sup> 10 giờ. TWA. 0.1mg of PAHs/cm <sup>3</sup> 10 giờ. <b>OSHA PEL (United States 5/2018)</b> . TWA: 3.5mg/ m <sup>3</sup> 8 giờ

**Bảo vệ Cá nhân :** Tiêu chuẩn dùng trong Công nghiệp

**Mắt:** Đeo kính chống văng hóa chất.

**Da:** Mang găng tay bảo vệ thích hợp để tránh tiếp xúc với da.

**Quần áo:** Chọn bảo vệ cơ thể theo số lượng và nồng độ của chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

**Mặt nạ phòng độc:** Tuân theo các quy định về mặt nạ phòng độc OSHA có trong 29 CFR 1910.134 hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN149. Sử dụng mặt nạ phòng độc được NIOSH / MSHA hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN 149 phê duyệt nếu vượt quá giới hạn phơi nhiễm hoặc nếu có biểu hiện kích ứng hoặc các triệu chứng khác.

## MỤC 13: THÔNG TIN VỀ ĐỘC LỰC

**RTECS#:** CAS# 7631-86-9: VV7310000

**LD50/LC50:** CAS# 7631-86-9: Oral, rat:

LD50 = 3.160mg/kg; Oral, rat: LD50 = 7.500mg/kg

Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

**Nguy hiểm do hít phải:** Không

**Thông tin khác:** Theo hiểu biết của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý và độc học vẫn chưa được điều tra kỹ lưỡng.

## MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Tổng quát: Sản phẩm không nằm trong quy định quốc tế về vận chuyển hàng nguy hiểm (IMDG, IATA, DoT)  
(Các) loại nguy cơ vận chuyển: Không được quy định

UN NUMBER	N/A
ADR, IMDG, IATA	N/A
UN PROPER SHIPPING NAME	N/A
DOT, ADR, IMDG, IATA	N/A
NGUY HIỂM VẬN CHUYỂN(ES)	
CLASS	KHÔNG QUI ĐỊNH
ĐÓNG GÓI	N/A
Ô NHIỄM HÀNG HẢI	KHÔNG
VẬN CHUYỂN SỐ LƯỢNG LỚN THEO ANNEX II OF MARPOL 73/78 AND THE IBC CODE	N/A

## MỤC 15: THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Các quy định / quy định pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp SARA (Đạo luật Superfund Amendments and Reauthorization Act):

Mục 355 (Các chất cực kỳ nguy hiểm): Không có thành phần nào được liệt kê.

Mục 313 (Danh sách hóa chất độc hại cụ thể): Bisphenol A Epoxy.

TSCA (Đạo luật kiểm soát các chất độc hại): Tất cả các thành phần đều được liệt kê

Đề xuất 65: Hóa chất gây ung thư: axit nitrilotriacetic 139-13-9.

Hóa chất được biết là gây ra độc tính sinh sản cho phụ nữ: Không có thành phần nào được liệt kê.

Hóa chất được biết là gây ra độc tính sinh sản cho nam giới: Không có thành phần nào được liệt kê.

Hóa chất được biết là gây độc cho sự phát triển: Không có thành phần nào được liệt kê.

Các phân loại trạng thái ung thư. EPA (Cơ quan Bảo vệ Môi trường) Không có thành phần nào được liệt kê.

TLV (Giá trị giới hạn ngưỡng do ACGIH thiết lập) Không có thành phần nào được liệt kê.

NIOSH-Ca (Viện Quốc gia về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp) Không có thành phần nào được liệt kê.

OSHA-Ca (Cơ quan Quản lý An toàn & Sức khỏe Nghề nghiệp) Không có thành phần nào được liệt kê. . Chỉ định theo hướng dẫn của EC: Sản phẩm đã được phân loại và dán nhãn theo Chỉ thị / Sắc lệnh của EC về Vật liệu Nguy hiểm (GefStoffV).

Mã số và ký hiệu nguy hiểm của sản phẩm: Không Độc.

Các thành phần xác định mối nguy của ghi nhãn: KHÔNG.

Cụm từ rủi ro: Có thể gây ra tổn thương di truyền. Cũng có hại khi hít phải và nếu nuốt phải. Nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng cho mắt. Có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da. Cũng có hại: nguy cơ gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe do tiếp xúc lâu dài nếu nuốt phải.

Cụm từ an toàn: Tránh tiếp xúc - xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Giữ bình chứa ở nơi thông gió tốt. Tránh tiếp xúc với da.

## MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

Do các điều kiện sử dụng cụ thể của sản phẩm nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà cung cấp, người dùng luôn có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của luật liên quan.

Những dữ liệu này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng sẽ không tạo thành sự đảm bảo cho bất kỳ tính năng cụ thể nào của sản phẩm và sẽ không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý.

### Thông Tin Lưu Ý

Mỗi khách hàng hoặc người nhận Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu (MSDS) này nên nghiên cứu kỹ và tham khảo các nguồn, khi cần thiết hoặc thích hợp, để biết và hiểu dữ liệu có trong MSDS này và bất kỳ mối nguy hiểm nào liên quan đến sản phẩm. Thông tin này được cung cấp một cách thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày có hiệu lực của tài liệu này. Tuy nhiên, không có bảo đảm nào, rõ ràng hay ngụ ý, được đưa ra. Thông tin được trình bày ở đây chỉ áp dụng cho sản phẩm đã được vận chuyển. Việc bổ sung bất kỳ vật liệu nào có thể thay đổi thành phần, các nguy cơ và rủi ro của sản phẩm. Sản phẩm sẽ không được đóng gói lại, sửa đổi hoặc nhuộm màu trừ khi được nhà sản xuất hướng dẫn cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc kết hợp các sản phẩm không được nhà sản xuất chỉ định, hoặc việc sử dụng hoặc bổ sung các sản phẩm theo tỷ lệ không được nhà sản xuất quy định. Các yêu cầu quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau giữa các địa điểm và khu vực pháp lý khác nhau. Khách hàng / người mua / người dùng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ tất cả các luật quốc gia, liên bang, tiểu bang, tỉnh hoặc địa phương. Các điều kiện sử dụng sản phẩm không thuộc quyền kiểm soát của nhà sản xuất; khách hàng / người mua / người dùng có trách nhiệm xác định các điều kiện cần thiết để sử dụng an toàn sản phẩm này và không được sử dụng sản phẩm cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích được nêu trong phần áp dụng của MSDS này mà không cần thông báo trước cho nhà cung cấp và có văn bản hướng dẫn xử lý. Do sự gia tăng của các nguồn thông tin như MSDS của nhà sản xuất cụ thể, nhà sản xuất không thể chịu trách nhiệm về các MSDS thu được từ bất kỳ nguồn nào khác.